

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10-6-2020
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Như Học;

Ông Nguyễn Đồng Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Gây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị Bích T, sinh năm 1997 (có đơn vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Rạch R, xã Khánh L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Trần Quốc Đ, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bùi M, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 02 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đào Thị Bích T trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Năm 2016, bà T và ông Đ đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau ngày 24/8/2016.

Lý do xin ly hôn: Vợ chồng chung sống đến khoảng tháng 9/2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, ông Đ tham gia tệ nạn xã hội (đá gà, cá độ bóng đá), nhậu nhẹt không chăm lo cho gia đình. Bà T và ông Đ sống ly thân từ tháng 2/2019 đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được hôn nhân. Nay tình cảm vợ

chồng không còn, hôn nhân tiếp tục duy trì cũng không hạnh phúc nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ.

- Về nuôi con chung: Có 01 người con tên Trần Quốc A (nam), sinh ngày 24/10/2016. Hiện nay, con đang sống với bà T, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ông Đ đã được Tòa án tiến hành tổng Đ hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Đ vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Bà T và ông Đ đều vắng mặt nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ, yêu cầu nuôi con chung, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nộp cho Tòa án ngày 13/3/2020 (lý do đi làm xa, không có điều kiện tham gia phiên tòa), yêu cầu này là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên xét xử vắng mặt bà T.

Ông Đ đã được Tòa án tổng Đ hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử sơ thẩm nhưng vắng mặt (lần 02) không lý do nên xét xử vắng mặt ông Đ theo khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Bà T và ông Đ kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới gả theo phong tục tập quán địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 24/8/2016, theo nội dung giấy trích lục kết hôn số 55/2016/TLKH-BS ngày 24/8/2016 của Ủy ban nhân dân xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà Đào Thị Bích T và ông Trần Quốc Đ được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà T cho rằng cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, ông Đ không chí thú làm ăn, không chăm lo cho gia đình mà tham gia tệ nạn xã hội (đá gà, cá độ bóng đá). Ông Đ không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản phản đối yêu cầu ly hôn của bà T chứng tỏ ông Đ không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa bà T với ông Đ đã đến mức trầm trọng, từ tháng 02/2019 đến nay thì cả hai đương sự vẫn duy trì tình trạng ly thân, không giải

quyết được mâu thuẫn. Như vậy, mục đích hôn nhân không Đ được nếu duy trì cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đào Thị Bích T đối với ông Trần Quốc Đ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con: Có 01 người con tên Trần Quốc An (nam), sinh ngày 24/10/2016. Hiện nay, Quốc A đang sống với bà T. Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian bà T và ông Đ ly thân từ tháng 02/2019 đến nay, cháu Quốc A sống ổn định với bà T, vẫn được đảm bảo mọi mặt. Mặt khác, ông Đ không có văn bản phản đối yêu cầu nuôi con của bà T. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu về nuôi con của bà T, giao bà T tiếp tục nuôi cháu Quốc A phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản, công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà T được khấu trừ T tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho bà Đào Thị Bích T ly hôn với ông Trần Quốc Đ.

Về nuôi con: Giao cháu Trần Quốc An (nam), sinh ngày 24/10/2016 cho bà Đào Thị Bích T tiếp tục nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Bà Đào Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà T được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu T số 0007047 ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng Đ hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền